

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Thanh Thủy và bà Trần Thị Ngọc .

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; thường trú: tổ B, ấp B, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Tổ B, hẻm N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: ông Đoàn Minh T1, sinh năm 1980; thường trú: ấp E, xã X, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên lạc: tổ F, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 07 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Minh T1 và bà Nguyễn Thị T tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/06/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Thời gian đầu, ông T1 và bà T chung sống với nhau hạnh phúc, sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, là do quan điểm sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Mặc dù, cả hai đã cố gắng, hai bên gia đình cũng hòa giải nhưng không thể giải quyết được. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Minh T1.

Về con chung: quá trình sinh sống, ông T1 và bà T có 02 con chung Đoàn Vũ L, sinh ngày 15/01/2001 và Đoàn Ngọc Khánh B, sinh ngày 16/8/2018. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đoàn Ngọc Khánh B và không yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Con chung Đoàn Vũ L đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Đoàn Minh T1: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Đoàn Minh T1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị T nhưng ông Đoàn Minh T1 không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/8/2025; tham gia phiên tòa vào ngày 05/9/2025, ngày 25/9/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đoàn Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/9/2025, ngày 25/9/2025 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 233, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Minh T1 và bà Nguyễn Thị T tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/06/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập bị đơn đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T1 không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Minh T1 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: quá trình sinh sống, giữa ông T1 và bà T có 02 con chung tên Đoàn Vũ L, sinh ngày 15/01/2001 và Đoàn Ngọc Khánh B, sinh ngày 16/8/2018. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đoàn Ngọc Khánh B. Sau khi ly hôn, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông T1 vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Đoàn Ngọc Khánh B được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời, cháu B có mong muốn được sống chung với mẹ. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Ngọc Khánh B cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Con chung Đoàn Vũ L đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng: bà T tự nguyện không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn với bị đơn ông Đoàn Minh T1.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đoàn Minh T1 {(theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/06/2007 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã X, thành phố Cần Thơ))}.

Về con chung: ông Đoàn Minh Tâm G con chung Đoàn Ngọc Khánh B, sinh ngày 16/08/2018 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Đoàn Minh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Con chung Đoàn Vũ L đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Đoàn Minh T1 và bà Nguyễn Thị T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005519 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16- TP Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- UBND xã Xà Phiên, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền